TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ - ST
Ngày 15/9/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vàng A Lù.

2. Ông Hà Công Thắng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái *tham gia phiên tòa*: Ông Lưu Thượng Thống- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2023/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXX ST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 111/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái
Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc H1,** sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hoà giải chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc H1 kết hôn và có đăng ký vào ngày 04/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau kết hôn vợ chồng sống chung tại Thôn C, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau, nguyên nhân do anh H1 luôn ghen tuông vô cớ, về đánh đập vợ con không chịu khó làm ăn gây áp lực cho vợ con, vợ chồng đã tự hoà giải nhưng sau đó lại chửi đánh nhau, hành hạ về thể xác và tư tưởng. Hiện tại chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho ly hôn

với anh Nguyễn Ngọc H1. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 08/02/2014. Sau ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi con, chị yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ 01 tháng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải anh Nguyễn Ngọc H1 trình bày: Việc kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị H trình bày, mâu thuẫn do chị H có tình cảm với người đàn ông khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng xích mích, cãi chửi nhau, anh H1 đã khuyên bảo nhưng chị H không thay đổi. Anh H1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh H1 không đồng ý do 2 vợ chồng chưa chia xong tài sản, khi nào chia xong tài sản thì anh H1 đồng ý ly hôn. Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Vinh Quang, sinh ngày 08/02/2014, anh H1 đi làm ăn xa nên đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ 01 tháng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, trưởng thôn C cho biết: Chị H và anh H1 kết hôn có đăng ký vào năm 2013 tại UBND xã N, huyện V. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh H1 không thường xuyên sống tại địa phương mà đi làm ăn, thi thoảng về địa phương. Quá trình chung sống chị H anh H1 thường xuyên mâu thuẫn, xích mích do tính tình không hợp thời gian gần đây vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng đã nộp đơn lên Tòa án. Anh H1 và chị H có 01 con chung là Nguyễn Vinh Q, sinh năm 2014. Hiện nay chị H làm kinh doanh tự do thu nhập trung bình từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/01 ngày.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung, cháu Nguyễn Vinh Q có nguyện vọng muốn ở với mẹ Nguyễn Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1; về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vinh Q, anh H1 nhận cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 tháng; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí ly hôn và bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện V,

tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa Thông báo mở lại phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc H1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 04/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị H cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau, đánh nhau, nguyên nhân do anh H1 luôn ghen tuông vô cớ, về đánh đập vợ con không chịu khó làm ăn gây áp lực cho vợ con, xảy ra nhiều lần cãi vã, hành hạ về thể xác và tinh thần. Anh H1 cũng cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị H có tình cảm với người đàn ông khác, anh H1 không còn tình cảm với chị H nhưng do chưa thống nhất được chia tài sản nên anh H1 không đồng ý ly hôn. Nhận thấy anh H1 và chị H đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, lý do anh H1 không đồng lý ly hôn là do vợ chồng chưa chia tài sản chung, tuy nhiên anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Vinh Q, sinh năm 2014. Sau ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, chị đề nghị anh H1 cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ 01 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H1 đang đi làm ăn xa nên đồng ý để chị H nuôi con cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/ tháng. Do vậy, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ tháng là phù hợp ý kiến của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Nguyễn Ngọc H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 08/02/2014, anh Nguyễn Ngọc H1 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ 01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0003721 ngày 07/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, chị H đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, Hùng yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã N
(số ĐKKH 37/2013)
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hoa Quỳnh